

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /2011/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2011

CHỖ CHẤM DẤU VÀ CHỖ KÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 1219
Ngày: 30/11

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xét khen thưởng của UBND thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét khen thưởng của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy chế xét khen thưởng của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, mặt trận, hội, đoàn thể thành phố, các quận, huyện, các khối thi đua, các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT TW;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT TW;
- Cục K/tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy ĐN;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TPĐN;
- Thường trực HĐND TPĐN;
- CT, PCT UBND TPĐN;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Các c/quan, đ/vị TW trên địa bàn TP;
- Các khối thi đua;
- Sở Tư pháp;
- TTâm Công báo TPĐN;
- Lưu: VT, VX, Sở Nội vụ.(270b).



Văn Hữu Chiến

QUY CHẾ**Xét khen thưởng của UBND thành phố Đà Nẵng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2011/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục, quy trình xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng và xét hiệp y khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể và cá nhân thuộc:

- a) Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng;
- b) Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- c) Các cơ quan làm công tác Đảng thành phố Đà Nẵng;
- d) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng;
- đ) Các quận, huyện;
- e) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp và các thành viên khác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng;
- g) Tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có trụ sở đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Ban quản lý khu chế xuất, khu kinh tế;
- h) Khối thi đua và thành viên khối thi đua;
- i) Cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có tham gia đăng ký thi đua với thành phố (gọi tắt là cơ quan trung ương);
- k) Công dân thành phố Đà Nẵng.

2. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có những đóng góp được ghi nhận trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hiệp ý khen thưởng* là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

2. *Khen thưởng thường xuyên* là hình thức khen thưởng được tiến hành hàng năm cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm;

3. *Khen thưởng theo đợt* (hoặc theo chuyên đề) là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện một đợt thi đua, chương trình hoặc một chuyên đề công tác do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phát động;

4. *Khen thưởng đột xuất* là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất, trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân và của nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận);

5. *Hồ sơ có số lượng vừa* là hồ sơ đề nghị khen thưởng dưới 10 tập thể, cá nhân;

6. *Hồ sơ có số lượng nhiều* là hồ sơ đề nghị khen thưởng có từ 10 tập thể, cá nhân trở lên;

7. *Cơ quan thành phố* là gọi tắt của tất cả các đối tượng tại điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 2 Quy chế này;

8. *Đơn vị trực thuộc* là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của cơ quan thành phố, cơ quan trung ương;

9. *Đơn vị thành viên* là đơn vị trong một khối, cụm thi đua hoặc cùng tham gia thực hiện một nội dung thi đua;

10. *Tập thể nhỏ* là đơn vị không có tư cách pháp nhân, không có con dấu riêng, như các phòng, ban, bộ phận, tổ, nhóm, đội và tương đương;

11. *Tập thể* là cơ quan thành phố, cơ quan trung ương, khối thi đua, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên, tập thể nhỏ;

12. *Thành tích rõ ràng* là thành tích đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định công nhận, như đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội thao, hội diễn.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

1. Chính xác, công khai, dân chủ, công bằng, kịp thời và đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định;

2. Đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
3. Việc khen thưởng và đề nghị khen thưởng phải đảm bảo tiêu chuẩn khen thưởng, mức độ thành tích đã đạt được, phạm vi, ảnh hưởng của thành tích. Đối với khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất thì không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng với mức cao hơn;
4. Thành tích đạt được trong điều kiện càng khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét đề nghị khen thưởng với mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng đơn vị trực thuộc, tập thể nhỏ và người lao động trực tiếp;
5. Một đối tượng có thể được khen thưởng nhiều hình thức hoặc nhiều danh hiệu cùng một lúc;
6. Một hình thức khen thưởng, một danh hiệu thi đua có thể khen tặng nhiều lần cho một đối tượng;
7. Kết hợp chặt chẽ việc động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;
8. Không xét khen thưởng hoặc hiệp y khen thưởng (trừ trường hợp có thành tích xuất sắc đột xuất) đối với các trường hợp sau:
 - a) Không tổ chức hoặc không tham gia phong trào thi đua;
 - b) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng;
 - c) Không đăng ký thi đua theo quy định.

Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng

1. Quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này;
2. Trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các đối tượng tại Điều 2 Quy chế này *{trừ các cơ quan trung ương và các ngành sau đây do bộ, ngành trung ương trình khen: Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Biên phòng, Công an, Viễn thông, Bưu điện, Thuế, Kho bạc, Ngân hàng, Hải quan, Thống kê, Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án, Bảo hiểm xã hội, Liên đoàn Lao động (đối với tập thể gồm Liên đoàn Lao động thành phố và các ban, đơn vị trực thuộc; đối với cá nhân là cán bộ chuyên trách công đoàn ở các ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố)}* sau khi có kết quả xét duyệt và đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (viết tắt là Hội đồng TĐKT TP);
3. Xét hiệp y khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc cơ quan thành phố, khối thi đua và cơ quan trung ương theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN THƯỞNG

Điều 6. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố

1. Danh hiệu thi đua:

- a) Đối với tập thể: Cờ thi đua, Tập thể lao động xuất sắc;
- b) Đối với cá nhân: Chiến sỹ thi đua thành phố.

2. Hình thức khen thưởng: Bằng khen.

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Cờ thi đua

1. Cờ thi đua của UBND thành phố được xét tặng hằng năm cho đơn vị thành viên thuộc khối thi đua, cơ quan thành phố và đơn vị trực thuộc cơ quan thành phố;

2. Cờ thi đua của UBND thành phố được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- b) Có cải tiến, sáng tạo, vượt khó, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước trong năm;
- c) Có mô hình mới, nhân tố mới tiêu biểu;
- d) Tổ chức cơ sở đảng được công nhận trong sạch vững mạnh; đoàn thể vững mạnh; cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa (nếu cơ quan, đơn vị là đối tượng được quy định xét công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa hằng năm);
- đ) Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng;
- e) Tập thể tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, được khối, cụm thi đua bình chọn, suy tôn.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Tập thể lao động xuất sắc

1. Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc được xét tặng hằng năm cho các đối tượng sau:

- a) Đối với cấp thành phố gồm: các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, hội, đoàn thể thành phố và tương đương;
- b) Đối với cấp quận, huyện gồm: các phòng, ban và tương đương thuộc quận, huyện; các đơn vị trực thuộc cấp quận, huyện, UBND cấp phường, xã; hội, đoàn thể cấp phường, xã và tương đương;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương;

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

2. Tập thể lao động xuất sắc là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các Tập thể lao động tiên tiến đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

b) Có cải tiến, sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc hình thức “chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa 6 tháng” trở lên (nếu là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật Lao động);

đ) Tổ chức cơ sở đảng được công nhận trong sạch vững mạnh; đoàn thể vững mạnh; đơn vị, tập thể đạt chuẩn văn hóa (nếu đơn vị, tập thể là đối tượng được quy định xét công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa hằng năm);

e) gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

Điều 9. Đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Chiến sỹ thi đua thành phố

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua thành phố được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt 2 tiêu chuẩn sau đây:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục (tính đến năm đề nghị khen thưởng) đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở;

2. Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với thành phố và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp thành phố xem xét, công nhận hoặc do bộ, ngành, đoàn thể trung ương công nhận.

Điều 10. Đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Bằng khen

1. Đối với tập thể là đối tượng thuộc diện xét tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc phải có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể có 2 lần liên tục (tính đến năm đề nghị khen thưởng) đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc;

2. Đối với cơ quan thành phố, đơn vị thành viên khối thi đua, cơ quan trung ương phải có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
 - b) Có cải tiến, sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm; thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
 - c) gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng;
 - d) Bảo đảm tốt đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;
 - đ) Tổ chức cơ sở đảng được công nhận trong sạch vững mạnh; đoàn thể vững mạnh; cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa (nếu là đối tượng được quy định xét công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa hằng năm).
3. Đối với cá nhân là đối tượng thuộc diện xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở phải có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các cá nhân có 2 lần liên tục (tính đến năm đề nghị khen thưởng) đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở;
4. Đối với cá nhân là đối tượng không thuộc diện xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở phải có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các cá nhân có 2 lần liên tục (tính đến năm đề nghị khen thưởng) được cơ quan thành phố tặng Giấy khen;
5. Tập thể và cá nhân lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình chọn trong các đợt thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) do UBND thành phố phát động;
6. Tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể và cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập; hoạt động xã hội đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả; gương người tốt, việc tốt có tác dụng trong phạm vi ngành, địa phương;
7. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng;
8. Tập thể và cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất.

Điều 11. Tiền thưởng

- 1. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật và của UBND thành phố;
- 2. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho tập thể về thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó có 03 nhiệm vụ trọng tâm được UBND thành phố giao hằng năm, có 2 mức như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: được thưởng 25,0 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: được thưởng 20,0 lần mức lương tối thiểu chung.

3. Đối với tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố thì kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có thể có giá trị cao hơn mức quy định do UBND thành phố quyết định;

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất;

5. Trong cùng một thời điểm một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau;

6. Trong cùng thời điểm một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Chương III

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG VÀ HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Điều 12. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

- Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

- Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

- Thành tích, công trạng rõ ràng.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản: Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan hoặc khối thi đua, trong đó nêu rõ hành động, thành tích, công trạng để được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

2. Hồ sơ khen thưởng theo đợt thi đua (hoặc theo chuyên đề):

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan hoặc khối thi đua;

b) Trích ngang tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (có xác nhận, ký tên và đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan hoặc khối thi đua).

3. Hồ sơ khen thưởng thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố gồm có:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan hoặc khối thi đua;
- b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (viết tắt là Hội đồng TĐKT) cơ quan hoặc khối thi đua kèm theo kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng TĐKT (đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua thành phố);
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, phải có xác nhận của thủ trưởng trực tiếp, thủ trưởng cấp trên trực tiếp hoặc khối trưởng khối thi đua;
- d) Xác nhận của ngành Thuế, Bảo hiểm xã hội, Môi trường đối với tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị có nghĩa vụ thực hiện thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường (nếu có);

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị hiệp y khen thưởng

Hồ sơ đề nghị UBND thành phố hiệp y khen thưởng các đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này gồm có:

1. Công văn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đề nghị khen thưởng (có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).
2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).
3. Xác nhận của cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội, Môi trường; xác nhận cơ quan đặt chi nhánh, chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên, Đoàn thanh niên về môi trường (nếu có);
4. Xác nhận của UBND cấp cấp (xã, phường, quận, huyện, nơi cơ quan đặt trụ sở) về việc chấp hành chỉ thị, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn;
5. Xác nhận của Liên đoàn Lao động thành phố về việc thực hiện pháp luật lao động của doanh nghiệp (nếu đối tượng khen thưởng là doanh nghiệp, thủ trưởng doanh nghiệp).

Điều 14. Nội dung báo cáo thành tích và nội dung văn bản xác nhận đối với hồ sơ khen thưởng thường xuyên

1. Nội dung báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng: Thực hiện theo mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 02/2011/TT-

BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ:

a) Báo cáo thành tích 01 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này, Cờ thi đua của UBND thành phố, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Chính phủ;

b) Báo cáo thành tích 02 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Quy chế này;

c) Báo cáo thành tích 03 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Chiến sỹ thi đua thành phố, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể;

d) Báo cáo thành tích 05 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cá nhân, Huân chương các loại và các hạng cho tập thể;

đ) Báo cáo thành tích 06 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Chiến sỹ thi đua toàn quốc;

e) Báo cáo thành tích 10 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể;

g) Báo cáo kết quả nghiên cứu hoặc ứng dụng đề tài sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đã được công nhận, xếp loại (đối với việc đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua thành phố, Chiến sỹ thi đua toàn quốc).

2. Nội dung báo cáo tóm tắt thành tích (đối với việc đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước) phải đảm bảo nội dung các phần chính như báo cáo thành tích;

3. Văn bản xác nhận của ngành Thuế, Bảo hiểm xã hội, Môi trường đối với tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị có nghĩa vụ thực hiện thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường:

a) Xác nhận 01 năm (năm có thành tích được đề nghị khen thưởng): Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này, Cờ thi đua của UBND thành phố, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Chính phủ;

b) Xác nhận 02 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Quy chế này;

c) Xác nhận 03 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Chiến sỹ thi đua thành phố, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể;

d) Xác nhận 05 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cá nhân, Huân chương các loại và các hạng cho tập thể;

đ) Xác nhận 06 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Chiến sỹ thi đua toàn quốc;

e) Xác nhận 10 năm: Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể.

Chương IV

QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

VÀ THỜI GIAN TRÌNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 15. Đăng ký danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, cơ quan thành phố, khối thi đua đăng ký với UBND thành phố các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch UBND thành phố và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25 tháng 10 hằng năm;

2. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, cơ quan trung ương đăng ký với UBND thành phố các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với các đối tượng cần hiệp y ~~khen thưởng~~ của địa phương;

3. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, UBND thành phố đăng ký Cờ thi đua của Chính phủ với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 16. Trách nhiệm trình hồ sơ khen thưởng

1. Cơ quan thành phố, cơ quan trung ương, khối thi đua có trách nhiệm trình UBND thành phố hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

2. Đối với việc khen thưởng cho người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài:

a) Các cơ quan thành phố làm thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi cho Sở Ngoại vụ thành phố tổng hợp trình UBND thành phố;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc để Hội đồng TĐKT TP xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố trình Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với việc khen thưởng cho ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (ngành GD&ĐT): Tuyến trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc ngành GD&ĐT đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước:

a) Hội đồng TĐKT các quận, huyện xét, đề nghị Chủ tịch UBND quận, huyện trình UBND thành phố (qua Sở GD&ĐT thành phố);

b) Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND quận, huyện, Hội đồng TĐKT ngành GD&ĐT xét, đề nghị Giám đốc Sở GD&ĐT thành phố trình UBND thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố).

4. Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm về thủ tục, nội dung hồ sơ của cấp dưới khi trình UBND thành phố.

Điều 17. Thẩm quyền xét, đề nghị và quyết định khen thưởng

1. Hội đồng TĐKT cơ quan thành phố:

a) Xét đề nghị Thủ trưởng cơ quan trình UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua của UBND thành phố, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sỹ thi đua thành phố và Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

b) Xét và đề nghị UBND thành phố trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Hội đồng TĐKT cơ quan trung ương xét, đề nghị Thủ trưởng cơ quan trình UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua của UBND thành phố và Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

3. Khối thi đua:

a) Xét trình UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua của UBND thành phố và Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho đơn vị thành viên và cá nhân trong khối. Ngoài ra, đối với Khối thi đua các cơ quan công tác Đảng thành phố có thể xét đề nghị khen thưởng cho cá nhân và tập thể trực thuộc các đơn vị thành viên;

b) Xét trình UBND thành phố đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị dẫn đầu khối.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố (viết tắt là Ban TĐKT TP) thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch UBND thành phố:

a) Tặng thưởng Cờ thi đua, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua thành phố, Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen về thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, về thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua, về thành tích đột xuất xuất sắc và các nhiệm vụ công tác khác của tập thể, cá nhân là đối tượng thuộc Điều 2 Quy chế này;

b) Hiệp y khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc cơ quan thành phố, cơ quan trung ương.

5. Ban TĐKT TP - Cơ quan thường trực Hội đồng TĐKT TP thẩm định hồ sơ trình Hội đồng TĐKT TP:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó có 03 nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị được UBND thành phố giao hằng năm;

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng thành tích kháng chiến).

6. Hội đồng TĐKT thành phố xét, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố:

a) Khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó có 03 nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị được UBND thành phố giao hằng năm;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng thành tích kháng chiến).

Điều 18. Đối tượng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phải có ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy hoặc Thường trực Thành ủy

Căn cứ khoản 7 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, các đối tượng, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước sau đây phải có ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy hoặc Thường trực Thành ủy trước khi trình Thủ tướng Chính phủ hoặc trước khi trả lời cho cơ quan đề nghị hiệp ý:

1. Ban Thường vụ Thành ủy có ý kiến đối với: Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Anh hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

2. Thường trực Thành ủy có ý kiến đối với:

a) Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho cán bộ thuộc diện Thành ủy quản lý;

b) Các hình thức khen thưởng: Huân chương Độc lập; danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

Điều 19. Quy định thời gian xét khen thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố

1. Khen thưởng thành tích đột xuất: Thời gian giải quyết 04 (bốn) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Ban TĐKT TP: 02 ngày; Văn phòng UBND thành phố: 02 ngày);

2. Khen thưởng thành tích chuyên đề:

a) Thời gian giải quyết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp hồ sơ có số lượng vừa (Ban TĐKT TP: 02 ngày; Văn phòng UBND thành phố: 05 ngày);

b) Thời gian giải quyết 09 (chín) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp hồ sơ có số lượng nhiều (Ban TĐKT TP: 04 ngày; Văn phòng UBND thành phố: 05 ngày).

3. Khen thưởng thành tích thường xuyên:

a) Thời gian giải quyết 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp hồ sơ có số lượng vừa (Ban TĐKT TP: 05 ngày; Văn phòng UBND thành phố: 05 ngày);

b) Thời gian giải quyết 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp hồ sơ có số lượng nhiều (Ban TĐKT TP: 10 ngày; Văn phòng UBND thành phố: 05 ngày).

c) Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, Ban TĐKT TP thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Hội đồng TĐKT TP xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó có 03 nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị được UBND thành phố giao hằng năm.

Điều 20. Quy định thời gian xét hiệp y khen thưởng

1. Cơ quan, đơn vị có tập thể, cá nhân được đề nghị hiệp y khen thưởng chịu trách nhiệm trình đầy đủ hồ sơ theo quy định cho UBND thành phố;

2. Đối với những trường hợp cần phải xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy hoặc Thường trực Thành ủy là 15 (mười lăm) ngày, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định (tính theo dấu công văn đến của Ban TĐKT TP) đến khi nhận được kết quả (ý kiến trả lời bằng văn bản của cơ quan có trách nhiệm);

3. Đối với các trường hợp khác là 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định (tính theo dấu công văn đến của Ban TĐKT TP) đến khi nhận được kết quả (ý kiến trả lời bằng văn bản của cơ quan có trách nhiệm);

4. Chậm nhất trong 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị hiệp y khen thưởng (tính theo dấu công văn đến của Ban TĐKT TP), UBND thành phố trả lời bằng văn bản cho đơn vị đề nghị;

5. Trường hợp tập thể, cá nhân được đề nghị hiệp y khen thưởng có vấn đề chưa rõ, Ban TĐKT TP phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục thẩm định lại hồ sơ. Nếu không đảm bảo thời gian quy định về việc hiệp y, Ban TĐKT TP báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương.

Điều 21. Thời gian trình hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng

Cơ quan thành phố, khối thi đua và đơn vị thành viên, cơ quan trung ương trình hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố, theo thời gian sau đây:

1. Khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất và khen thưởng chuyên đề: Các ngày làm việc trong tuần;

2. Khen thưởng thường xuyên:

a) Đối với Toà án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố và Cục Thi hành án dân sự thành phố trình hồ sơ đề nghị khen thưởng vào cuối tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm (theo chu kỳ công tác thi đua, khen thưởng hàng năm được các cơ quan trung ương của các đơn vị này quy định về thời gian tổng kết);

b) Đối với các đơn vị được UBND thành phố giao 03 nhiệm vụ trọng tâm hàng năm:

- Trước ngày 05 tháng 01 năm sau, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố về thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó có 03 nhiệm vụ trọng tâm;

- Trước ngày 20 tháng 02 năm sau, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể và cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

c) Đối với các khối thi đua: Trước ngày 10 tháng 02 năm sau, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng;

d) Đối với các đơn vị còn lại: Trước ngày 10 tháng 3 năm sau, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể và cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

đ) Trước ngày 01 tháng 5 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng học sinh thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố;

e) Trước ngày 01 tháng 7 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (khen thưởng thành tích năm học trước).

Điều 22. Thời gian cơ quan thành phố trình hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng

Các khối thi đua, các cơ quan thành phố trình hồ sơ cho UBND thành phố xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng, theo các đợt sau đây:

1. Đợt 1: Trước ngày 15 tháng 3 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ;

2. Đợt 2: Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích kinh tế - xã hội;

3. Đợt 3: Trước ngày 20 tháng 8 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố;

4. Ngoài các đợt trên, UBND thành phố chỉ tiếp nhận hồ sơ và xét đề nghị khen thưởng thành tích xuất sắc đợt xuất, thành tích theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác.

Điều 23. Thời gian UBND thành phố trình hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng

UBND thành phố trình hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng (qua Ban TĐKT Trung ương), theo các đợt sau đây:

1. Đợt 1: Trước ngày 30 tháng 4 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ;

2. Đợt 2: Trước ngày 31 tháng 5 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích kinh tế - xã hội;

3. Đợt 3: Trước ngày 20 tháng 10 hằng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng của ngành Giáo dục và Đào tạo;

4. Ngoài các đợt trên, UBND thành phố chỉ trình hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích xuất sắc đợt xuất, thành tích theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Các cơ quan thành phố, khối thi đua và đơn vị thành viên, các cơ quan trung ương gửi báo cáo đăng ký thi đua, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng, hồ sơ đề nghị hiệp y khen thưởng cho UBND thành phố (qua Ban TĐKT thuộc Sở Nội vụ thành phố).

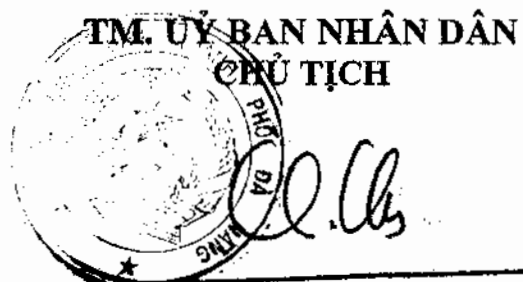
Điều 25. Các cơ quan thành phố, khối thi đua và đơn vị thành viên, các cơ quan trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy chế này để xây dựng Quy chế xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 26. Trách nhiệm của Ban TĐKT thuộc Sở Nội vụ thành phố

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thành phố, khối thi đua và đơn vị thành viên, các cơ quan trung ương tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này và báo cáo tình hình cho UBND thành phố;

2. Tổ chức quán triệt Quy chế này trong đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng. Nắm tình hình, tổ chức trao đổi kinh nghiệm nhằm triển khai thực hiện thống nhất theo quy định.

Điều 27. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, các cơ quan thành phố, khối thi đua và đơn vị thành viên, các cơ quan trung ương kịp thời phản ánh về UBND thành phố (qua Ban TĐKT thành phố thuộc Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua của thành phố. /.



Văn Hữu Chiến